TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/02/2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Trường

2. Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 528/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐ-HPT ngày 21 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **PHAN VĂN Đ**, sinh năm 1979.

Hộ khẩu thường trú: B4T2 Chung cư P – 242 đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tòa nhà S1.12, số nhà 1915A Chung cư V, Khu Đô thị V1, Quận L, thành phố Hà Nội (vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Bà **NGUYỄN NGỌC L**, sinh năm 1984.

Hộ khẩu thường trú: Khu T, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: 70/27 đường L, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2021 và bản tự khai ngày 24/12/2021, nguyên đơn ông Phan Văn Đ trình bày:

Ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Ngọc L sau một thời gian tìm hiểu thì tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 04/5/2005.

Sau khi cưới, ông Đ và bà L về sống chung hạnh phúc đến tháng 01/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông Đ là do bất đồng quan điểm sống, nuôi dạy con và vấn đề kinh tế. Từ đó, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Ông Đ và bà L đã nhiều lần tự hòa giải với nhau nhưng không đạt được kết quả. Cuộc sống chung ngày càng ngột ngạt, ảnh hưởng đến tâm lý, sức khỏe của cả hai vợ chồng và các con. Hiện nay, ông Đ và bà L đã ly thân gần 01 (một) năm nay, mỗi người sống một nơi. Ông Đ xác định cả hai không còn tình cảm, hoàn toàn không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng nên không thể hàn gắn. Vì vậy, ông Đ yêu cầu ly hôn với bà L.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 (hai) con chung là cháu Phan Nguyễn Yến N, sinh ngày 20/9/2005 và Phan Nguyễn Gia H, sinh ngày 21/11/2012. Dựa trên nguyện vọng của con chung, ông Đ yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung. Ông Đ không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đ có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử.

Tại bản tự khai ngày 19/11/2021 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Ngọc L trình bày:

Bà L xác nhận lời trình bày của ông Đ về điều kiện kết hôn, quá trình sống chung và tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn gia đình hiện nay giữa hai vợ chồng là đúng. Tại Tòa, bà L xác định tình cảm cả hai bên đối với nhau đều không còn nên hôn nhân không thể cứu vãn. Vì vậy, bà L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung như ông Đ trình bày. Con chung là Phan Nguyễn Yến N, sinh ngày 20/9/2005 và Phan Nguyễn Gia H, sinh ngày 21/11/2012. Dựa trên nguyện vọng của con chung, bà L đồng ý để ông Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung. Bà L không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 29/12/2021 tại Tổ M, khu phố B, phường T, thành phố V xác định: Vợ chồng ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Ngọc L có thời gian chung sống với nhau tại Phòng 702 Lô D Chung cư X – 217 đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Quá trình chung sống tại đây, ông Đ và bà L không nhờ tổ dân phố hoặc hội phụ nữ hòa giải mâu thuẫn nên tổ dân phố không biết về mâu thuẫn của vợ chồng ông Đ, bà L. Hiện nay, gia đình ông Đ, bà L đã trả nhà và không còn sống tại địa chỉ trên nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa xác định, ông Đ và bà L chung sống

với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Ông Đ yêu cầu ly hôn với bà L, bà L đồng ý ly hôn. Xét hôn nhân giữa ông Đ và bà L không còn tồn tại về mặt thực tế, mỗi người sống một nơi, mối quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị tuyên cho ông Đ được ly hôn bà L.

Về con chung: 02 con chung là Phan Nguyễn Yến N, sinh ngày 20/9/2005 và Phan Nguyễn Gia H, sinh ngày 21/11/2012. Con chung đang sống cùng ông Đ và có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bố. Ông Đ yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung. Xét yêu cầu của ông Đ có căn cứ pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của 02 (hai) con chung cũng như thống nhất với ý kiến của bà L nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu yêu cầu của ông Đ về việc được trực tiếp nuôi con chung. Ông Đ và bà L không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nên không đề nghị thêm.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị thêm.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý:

Ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Ngọc L chung sống có đăng ký kết hôn. Ông Đ có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà L. Bà L có nơi cư trú tại thành phố V. Vì vậy xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về "Tranh chấp ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố V theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Phan Văn Đ đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Ngọc L chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 32, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 04/5/2005, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, ông Đ và bà L đều xác định vợ chồng có những mâu thuẫn không thể hàn gắn, khắc phục được do bất đồng trong quan điểm sống, cách nuôi dạy con và vấn đề kinh tế. Mâu thuẫn ngày một trầm trọng, đời sống vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân khoảng 01 (một) năm, tình trạng hôn nhân không thể cứu vãn nên ông Đ yêu cầu ly hôn. Đồng thời ông Đ từ chối tham gia hòa giải và yêu cầu giải quyết vắng mặt. Việc ông Đ không có mặt ở bất cứ giai đoạn tố

tụng nào để có thể tranh thủ sự hòa giải của Tòa án cũng thể hiện rõ ông Đ không có thiện chí, khát khao hàn gắn. Tại phiên Tòa, bà L cũng xác Đ mẫu thuẫn vợ chồng như ông Đ đã nêu là đúng và đồng ý ly hôn vì mâu thuẫn của ông bà là không thể hàn gắn.

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…".* Đối chiếu quy Đ trên thì thấy mâu thuẫn của ông Đ và bà L đã trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài do không duy trì được mục đích, lý do, ý nghĩa để tồn tại của đời sống hôn nhân. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông Đ là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Ngọc L có 02 (hai) con chung là cháu Phan Nguyễn Yến N, sinh ngày 20/9/2005 (theo giấy khai sinh số 02, quyển số I/2006 ngày 06/01/2006 của Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng) và Phan Nguyễn Gia H, sinh ngày 21/11/2012 (theo giấy khai sinh số 723, quyển số 03/2012 ngày 27/12/2012 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V). Hai con chung đang sống cùng ông Đ, phát triển bình thường. Ông Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con chung. Xét ông Đ có đủ điều kiện để nuôi con, yêu cầu được nuôi con của ông Đ phù hợp với nguyện vọng của hai con chung cũng như ý kiến thống nhất của bà L, nên giao cháu Phan Nguyễn Yến N và Phan Nguyễn Gia H cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ và bà L không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Đ phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT Đ:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ.

1. Về hôn nhân: Ông Phan Văn Đ ly hôn với bà Nguyễn Ngọc L.

2. Về con chung: Là Phan Nguyễn Yến N, sinh ngày 20/9/2005 và Phan Nguyễn Gia H, sinh ngày 21/11/2012. Giao cháu Phan Nguyễn Yến N và Phan Nguyễn Gia H cho ông Phan Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét về cấp dưỡng nuôi con vì không ai có ý kiến, yêu cầu.

Quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy Đ tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Ông Phan Văn Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003929 ngày 25/5/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V. Như vậy, ông Đ đã thi hành xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Bị đơn – bà Nguyễn Ngọc L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xét xử phúc thẩm; Nguyên đơn – ông Phan Văn Đ vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thành phố V;
- TAND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- THADS thành phố V;
- UBND xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Huyền